

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 5 - 2021

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 173/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp P2, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Ngô Trọng H, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp HL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Hồng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N với anh Ngô Trọng H sống chung năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Ngô Phước T, sinh ngày 06/9/2018 hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Anh Ngô Trọng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian đăng ký kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, vợ chồng cũng có mâu thuẫn, do mâu thuẫn nên chị N ẩm con đi làm không về, anh rể của vợ và nhiều người khác hăm dọa đánh anh, chị N chặn cuộc gọi của anh. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 01 người con như chị N trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác, cũng như không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại phiên tòa: Chị N, anh H giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Hồng N khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Ngô Trọng H là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Năm 2017, chị N và anh H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý. Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử cháu T mới hơn 33 tháng tuổi, hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N, anh H đều có yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị N, anh H xác định cả anh chị có thu nhập ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi cháu T. Xét thấy: Cháu T hiện chưa được 36 tháng tuổi, hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu T nên Hội đồng xét xử giao cháu Thịnh cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị N, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Ngô Trọng H.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Phước T, sinh ngày 06/9/2018 cho chị Nguyễn Hồng N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Trọng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011554 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Nguyễn Hồng N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thịnh